

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đại học chính quy, đợt tháng 02 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 2699/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp được ban hành kèm theo Nghị quyết số 2268/NQ-HĐT ngày 27/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hình thức chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 12/3/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Biên bản số 94/BB-ĐHLN-ĐT ngày 10/02/2023 của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học, hình thức đào tạo Chính quy, đợt 2 năm 2023;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo, sau khi có sự nhất trí của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp đại học chính quy cho 89 sinh viên đã hoàn thành chương trình đào tạo, cụ thể:

TT	Ngành/Chuyên ngành	Danh hiệu TN	Xếp loại TN				Số SV
			Giỏi	Khá	Trung bình	Xuất sắc	
1	Công nghệ chế biến lâm sản	Kỹ sư		1	1		2
2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Kỹ sư	2	4			6
3	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Kỹ sư		1			1
4	Công nghệ sinh học	Kỹ sư	1				1
5	Công tác xã hội	Cử nhân		3			3
6	Hệ thống thông tin	Cử nhân	1	1	1		3
7	Kế toán	Cử nhân	17	7		3	27
8	Khoa học môi trường	Cử nhân			1		1
9	Kinh tế	Cử nhân		1			1

TT	Ngành/Chuyên ngành	Văn bằng TN	Xếp loại TN				Số SV
			Giỏi	Khá	Trung bình	Xuất sắc	
10	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ sư	1	2		1	4
11	Kỹ thuật xây dựng	Kỹ sư		1			1
12	Lâm sinh	Kỹ sư		5			5
13	Quản lý đất đai	Kỹ sư		1			1
14	Quản lý tài nguyên rừng	Kỹ sư	1	5	2	1	9
15	Quản lý tài nguyên thiên nhiên (TCTT)	Kỹ sư		1			1
16	Quản lý tài nguyên và môi trường	Cử nhân		3			3
17	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Cử nhân		4			4
18	Quản trị kinh doanh	Cử nhân	1	2	3		6
19	Thiết kế nội thất	Kỹ sư	1				1
20	Thú y	Cử nhân	3	6			9
Tổng cộng			28	48	8	5	89

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Các sinh viên có tên trong danh sách được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học tại Điều 1 được hưởng mọi quyền và nghĩa vụ do Nhà nước quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan thuộc Trường và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT, Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng;
- Phó Hiệu trưởng phụ trách Đào tạo;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG *ghs*



GS.TS. Phạm Văn Điền

ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP BẠC ĐẠI HỌC
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO CHÍNH QUY, ĐỢT THÁNG 02 NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 151 /QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 15/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Khối kiến thức ngành				Khối kiến thức CĐR		Xếp loại TN	Danh hiệu TN	Ghi chú
							Số TCTL	Điểm TBCTL	Điểm hệ 4	Điểm XLTN	Tin học	Tiếng Anh			
I	Ngành Công nghệ chế biến lâm sản: 02 SV														
1	1654010768	TRỊNH PHÚ	CƯỜNG	26/12/1998	Nam	K61_CBLS	135	6,21	2,23	6,21	x	x	Trung bình	Kỹ sư	Chưa áp dụng CĐR
2	1853020556	KHUẤT DUY	ÁNH	01/10/2000	Nam	K63_CBLS	133	6,85	2,68	6,85	7,5	480,0	Khá	Kỹ sư	
II	Ngành Thiết kế nội thất: 01 SV														
1	1855020048	CẦN THỊ THANH	HUYỀN	11/04/2000	Nữ	K63_TKNT	137	7,95	3,29	7,95	7,6	600,0	Giỏi	Kỹ sư	
III	Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử: 06 SV														
1	1851080456	TRẦN QUỲNH	TRANG	30/08/2000	Nữ	K63_CNCĐT	145	8,5	3,58	8,5	6,5	470,0	Giỏi	Kỹ sư	
2	1851080585	NGUYỄN PHÚ	HOÀNG	06/02/2000	Nam	K63_CNCĐT	145	7,99	3,37	7,99	7,5	540,0	Giỏi	Kỹ sư	
3	1851080429	ĐINH XUÂN DUY	HẢI	07/12/2000	Nam	K63_CNCĐT	145	7,15	2,87	7,15	7,0	595,0	Khá	Kỹ sư	
4	1855020088	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	21/09/2000	Nam	K63_CNCĐT	145	7,19	2,87	7,19	7,0	495,0	Khá	Kỹ sư	
5	1851080251	TRẦN QUỐC	VIỆT	17/11/2000	Nam	K63_CNCĐT	145	6,95	2,7	6,95	6,8	560,0	Khá	Kỹ sư	
6	1851070038	VŨ VIỆT	PHONG	13/11/2000	Nam	K63_CNCĐT	145	6,74	2,57	6,74	7,5	620,0	Khá	Kỹ sư	
IV	Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô: 01 SV														
1	1754040405	Trịnh Công	Sơn	10/06/1999	Nam	K62_KOTO	138	6,68	2,54	6,68	6,3	530,0	Khá	Kỹ sư	
V	Ngành Kỹ thuật cơ khí: 04 SV														
1	1855020550	ĐẶNG ĐÌNH	SƠN	05/05/1999	Nam	K63_KTCK	149	8,48	3,69	8,48	6,8	760,0	Xuất sắc	Kỹ sư	
2	1851060267	NGUYỄN XUÂN	CHẤT	17/12/2000	Nam	K63_KTCK	149	7,66	3,21	7,66	7,8	640,0	Giỏi	Kỹ sư	
3	1851060118	ĐẶNG VIỆT	LONG	15/03/2000	Nam	K63_KTCK	149	7,25	2,92	7,25	6,3	450,0	Khá	Kỹ sư	
4	1851060156	ĐẶNG QUANG	HIẾU	31/10/2000	Nam	K63_KTCK	149	6,87	2,71	6,87	6,5	450,0	Khá	Kỹ sư	
VI	Ngành Kỹ thuật xây dựng: 01 SV														
1	1853110445	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	24/02/2000	Nữ	K63_KTXD	145	7,3	2,96	7,3	6,0	475,0	Khá	Kỹ sư	

VII	Ngành Lâm sinh: 05 SV														
1	1853010408	NGÔ QUÍ	TÀI	06/01/2000	Nam	K63_Lâm sinh	138	7,66	3,18	7,66	8,3	470,0	Khá	Kỹ sư	
2	1853010245	HOÀNG THU	HÀ	29/02/2000	Nữ	K63_Lâm sinh	138	7,12	2,87	7,12	6,8	595,0	Khá	Kỹ sư	
3	1853010203	PHÙNG CẢNH	ĐỨC	23/03/2000	Nam	K63_Lâm sinh	140	7,07	2,84	7,07	7,8	460,0	Khá	Kỹ sư	
4	1853010371	PHÙNG CHÍ	HOẠT	27/10/2000	Nam	K63_Lâm sinh	138	6,92	2,7	6,92	6,3	450,0	Khá	Kỹ sư	
5	1853020242	ĐINH ĐỨC	THUẬN	18/12/2000	Nam	K63_Lâm sinh	138	6,57	2,51	6,57	5,8	700,0	Khá	Kỹ sư	
VIII	Ngành Khoa học môi trường: 01 SV														
1	1653060166	NGUYỄN QUANG	THÁI	01/09/1998	Nam	K61a_KHMT	142	6,42	2,42	6,42	x	x	Trung bình	Cử nhân	Chưa áp dụng CĐR
IX	Ngành Quản lý tài nguyên rừng: 09 SV														
1	1653020722	Phạm Văn	Quân	22/03/1997	Nam	K61a_QLTNR	144	6,34	2,37	6,34	x	x	Trung bình	Kỹ sư	Chưa áp dụng CĐR
2	1853020041	THÁI KHẮC	HIẾU	01/07/2000	Nam	K63_QLTNR	138	8,4	3,63	8,4	8,0	455,0	Xuất sắc	Kỹ sư	
3	1853020196	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	16/09/2000	Nam	K63_QLTNR	138	7,87	3,29	7,87	7,8	450,0	Giỏi	Kỹ sư	
4	1853020320	NGUYỄN HOÀNG	NAM	07/05/2000	Nam	K63_QLTNR	138	7,31	2,97	7,31	7,3	495,0	Khá	Kỹ sư	
5	1853020473	VŨ HẢI	DƯƠNG	01/12/2000	Nam	K63_QLTNR	138	6,91	2,67	6,91	6,3	825,0	Khá	Kỹ sư	
6	1853020173	THẢO THỊ	BÁO	03/04/2000	Nữ	K63_QLTNR	141	6,76	2,63	6,76	5,5	450,0	Khá	Kỹ sư	
7	1853020215	BÙI XUÂN	DƯƠNG	17/03/2000	Nam	K63_QLTNR	143	6,4	2,41	6,4	7,4	755,0	Trung bình	Kỹ sư	
8	1953020688	ĐỖ VĂN	BẮC	13/01/1980	Nam	K64_LT_QLTNR	137	7,35	3,01	7,35	6,5	500,0	Khá	Kỹ sư	
9	1943020008	Đào Mạnh	Chung	04/11/1973	Nam	K64_VB2_QLTNR	136	6,78	2,66	6,78	6,2	540,0	Khá	Kỹ sư	
X	Ngành Quản lý tài nguyên thiên nhiên: 01 SV														
1	1753090476	Hà Trung	Đức	12/07/1999	Nam	K62_QLTNTN_TT	141	7,64	3,16	7,64	6,6	6,0	Khá	Kỹ sư	
XI	Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường: 03 SV														
1	1853150419	ĐỖ KIỀU	TRANG	27/09/2000	Nữ	K63_Quản lý TN&MT	139	7,71	3,19	7,71	7,0	495,0	Khá	Cử nhân	
2	1853151501	NGUYỄN ĐỨC	QUÝ	30/10/2000	Nam	K63_Quản lý TN&MT	139	7,04	2,81	7,04	5,7	450,0	Khá	Cử nhân	
3	1853150542	HOÀNG THỊ	DŨ	05/10/2000	Nữ	K63_Quản lý TN&MT	139	6,58	2,5	6,58	6,0	590,0	Khá	Cử nhân	
XII	Ngành Công tác xã hội: 03 SV														
1	1654060843	Tạ Thùy	Linh	02/01/1998	Nữ	K61a_CTXH	134	6,82	2,63	6,82	x	x	Khá	Cử nhân	Chưa áp dụng CĐR
2	1754060061	Nguyễn Ngọc	Anh	28/11/1999	Nữ	K62_CTXH	134	7,07	2,81	7,07	6,5	530,0	Khá	Cử nhân	
3	1854060497	NGUYỄN VĂN	THẮNG	30/01/2000	Nam	K63_CTXH	134	7,14	2,87	7,14	6,8	450,0	Khá	Cử nhân	

XIII	Ngành Hệ thống thông tin: 03 SV														
1	1651070312	Nguyễn Chúc	Quỳnh	03/03/1998	Nữ	K61_HTTT	137	6,41	2,36	6,41	x	x	Trung bình	Cử nhân	Chưa áp dụng CDR
2	1851070199	BÙI VĂN	MANH	19/05/2000	Nam	K63_HTTT	133	7,83	3,35	7,83	Đạt	505,0	Giỏi	Cử nhân	
3	1851070054	NGUYỄN QUANG	ĐỨC	25/07/2000	Nam	K63_HTTT	133	6,97	2,75	6,97	6,2	530,0	Khá	Cử nhân	
XIV	Ngành Kế toán: 27 SV														
1	1854010295	TRẦN THỊ HÀ	PHƯƠNG	01/03/2000	Nữ	K63A_Kế toán	150	7,54	3,06	7,54	5,8	520,0	Khá	Cử nhân	
2	1854041503	LÊ THỊ HÀ	VI	05/09/2000	Nữ	K63A_Kế toán	137	7,32	2,97	7,32	6,5	840,0	Khá	Cử nhân	
3	1854040157	TÔ VĂN	LONG	21/05/2000	Nam	K63A_Kế toán	145	7,14	2,86	7,14	7,3	560,0	Khá	Cử nhân	
4	1954041007	Phùng Thị Thanh	PHƯƠNG	28/05/2001	Nữ	K64a_Kế toán	135	8,62	3,78	8,62	6,7	455,0	Xuất sắc	Cử nhân	
5	1954040064	HÀ THỊ KIM	PHƯƠNG	07/08/2000	Nữ	K64b_Kế toán	135	8,19	3,52	8,19	6,2	630,0	Giỏi	Cử nhân	
6	1954041151	NGUYỄN THỊ	NHI	01/07/2000	Nữ	K64b_Kế toán	133	7,76	3,27	7,76	Đạt	720,0	Giỏi	Cử nhân	
7	1954041135	VÕ THỊ	HẠ	20/03/2001	Nữ	K64a_Kế toán	134	7,57	3,13	7,57	Đạt	475,0	Khá	Cử nhân	
8	2054042877	Nguyễn Thúy	Đạt	20/12/1989	Nữ	K65_LT_Kế toán	133	8,55	3,68	8,55	7,5	605,0	Xuất sắc	Cử nhân	
9	2055022888	Đỗ Thị Kim	Quỳnh	17/11/1979	Nữ	K65_LT_Kế toán	131	8,36	3,61	8,36	7,3	785,0	Xuất sắc	Cử nhân	
10	2054042844	Trần Thị Phương	Trà	29/08/1991	Nữ	K65_LT_Kế toán	136	8,31	3,57	8,31	7,3	610,0	Giỏi	Cử nhân	
11	2054042876	Nguyễn Thị	Ân	14/10/1982	Nữ	K65_LT_Kế toán	131	8,14	3,53	8,14	6,0	695,0	Giỏi	Cử nhân	
12	2054042902	Bùi Khánh	Huyền	10/10/2001	Nữ	K65_LT_Kế toán	130	8,03	3,51	8,03	6,3	575,0	Giỏi	Cử nhân	
13	2054042841	Hà Hồng	Ngọc	08/10/2000	Nữ	K65_LT_Kế toán	135	7,94	3,44	7,94	5,8	460,0	Giỏi	Cử nhân	
14	2054042843	Phan Thị	Nhớ	24/05/1986	Nữ	K65_LT_Kế toán	132	8	3,42	8	7,0	665,0	Giỏi	Cử nhân	
15	2054042870	Vũ Thị Minh	Tuyết	28/10/1984	Nữ	K65_LT_Kế toán	130	8,01	3,42	8,01	6,6	575,0	Giỏi	Cử nhân	
16	2054042840	Hoàng Thanh	Sơn	20/03/1983	Nam	K65_LT_Kế toán	130	7,84	3,35	7,84	6,6	465,0	Giỏi	Cử nhân	
17	2054042835	Phạm Thị	Ngọc	09/12/1987	Nữ	K65_LT_Kế toán	130	7,84	3,35	7,84	6,3	450,0	Giỏi	Cử nhân	
18	2054042971	Vũ Huy	Toán	05/09/1966	Nam	K65_LT_Kế toán	131	7,78	3,31	7,78	7,3	655,0	Giỏi	Cử nhân	
19	2054042846	Phạm Thị	Hoa	25/12/1987	Nữ	K65_LT_Kế toán	135	7,64	3,27	7,64	7,6	790,0	Giỏi	Cử nhân	
20	2054042875	Đỗ Thị Hồng	Vân	10/05/1977	Nữ	K65_LT_Kế toán	131	7,75	3,27	7,75	7,6	600,0	Giỏi	Cử nhân	
21	2055022892	Lê Thị	Thơm	11/11/1983	Nữ	K65_LT_Kế toán	134	7,67	3,25	7,67	6,4	780,0	Giỏi	Cử nhân	
22	2054042939	Lương Thị	Linh	23/10/1992	Nữ	K65_LT_Kế toán	130	7,66	3,23	7,66	6,6	630,0	Giỏi	Cử nhân	
23	2054042874	Vũ Thị	Tươi	22/02/1988	Nữ	K65_LT_Kế toán	130	7,65	3,21	7,65	5,8	645,0	Giỏi	Cử nhân	

24	2054042848	Đào Thị	Khánh	20/05/1982	Nữ	K65_LT_Kế toán	134	7,55	3,19	7,55	5,6	570,0	Khá	Cử nhân	
25	2054042972	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	28/08/1972	Nữ	K65_LT_Kế toán	131	7,59	3,15	7,59	7,4	490,0	Khá	Cử nhân	
26	2055022891	Nguyễn Thị	Thúy	10/02/1987	Nữ	K65_LT_Kế toán	130	7,62	3,15	7,62	6,6	500,0	Khá	Cử nhân	
27	2154040010	Đinh Thị Hương	Giang	07/05/1973	Nữ	K66F_Kế toán	130	7,87	3,29	7,87	7,7	810,0	Giỏi	Cử nhân	
XV	Ngành Kinh tế: 01 SV														
1	1854040282	PHÙNG THỊ	PHOÌ	20/01/2000	Nữ	K63_Kinh tế	136	7,35	2,98	7,35	6,5	735,0	Khá	Cử nhân	
XVI	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành: 04 SV														
1	1754070148	Nguyễn Thanh	Tú	27/04/1999	Nữ	K62a_DVDL&LH	126	7,29	2,95	7,29	Đạt	520,0	Khá	Cử nhân	
2	1754070740	Lù Thị	Dỡ	10/10/1999	Nữ	K62a_DVDL&LH	128	7,23	2,93	7,23	Đạt	570,0	Khá	Cử nhân	
3	1854070201	QUẢNG THỊ HƯƠNG	GIANG	18/05/2000	Nữ	K63A_QTDL&LH	122	7,21	2,89	7,21	6,8	730,0	Khá	Cử nhân	
4	1854070098	TRƯƠNG VĂN	THỊNH	10/04/2000	Nam	K63A_QTDL&LH	122	6,82	2,65	6,82	Đạt	455,0	Khá	Cử nhân	
XVII	Ngành Quản trị kinh doanh: 06 SV														
1	1754010507	Trịnh Thúy	Hằng	23/04/1999	Nữ	K62a_QTKD	137	6,11	2,37	6,11	5,8	550,0	Trung bình	Cử nhân	
2	1754030432	Tổng Thanh	Hải	26/03/1999	Nam	K62a_QTKD	138	6,26	2,25	6,26	6,8	555,0	Trung bình	Cử nhân	
3	1854010633	LÃ THỊ	HIỀN	30/10/2000	Nữ	K63_QTKD	141	7,75	3,24	7,75	5,8	730,0	Giỏi	Cử nhân	
4	1854010331	HOÀNG THỊ	PHƯƠNG	01/07/2000	Nữ	K63_QTKD	138	6,91	2,7	6,91	6,3	545,0	Khá	Cử nhân	
5	1854010174	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	27/06/2000	Nam	K63_QTKD	136	6,76	2,61	6,76	6,3	555,0	Khá	Cử nhân	
6	1854010309	LÊ NGỌC	HÂN	06/11/2000	Nữ	K63_QTKD	138	6,56	2,48	6,56	7,0	455,0	Trung bình	Cử nhân	
XIIX	Ngành Công nghệ sinh học: 01 SV														
1	1851070364	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	24/04/2000	Nữ	K63_CNSH	135	7,8	3,28	7,8	6,8	535,0	Giỏi	Kỹ sư	
XIX	Ngành Thú y: 09 SV														
1	1855020019	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	20/02/2000	Nam	K63_Thú y	145	7,98	3,36	7,98	Đạt	950,0	Giỏi	Cử nhân	
2	1855020266	NÔNG THỊ THÙY	TRANG	05/01/2000	Nữ	K63_Thú y	149	7,77	3,27	7,77	5,7	455,0	Giỏi	Cử nhân	
3	1855020228	LÝ THỊ	HÀNG	04/05/2000	Nữ	K63_Thú y	148	7,66	3,18	7,66	5,2	450,0	Khá	Cử nhân	
4	1855020039	DƯƠNG ĐỨC	THÀNH	25/02/2000	Nam	K63_Thú y	147	7,53	3,13	7,53	Đạt	725,0	Khá	Cử nhân	
5	1855020281	NGUYỄN MAI	NHUNG	19/06/2000	Nữ	K63_Thú y	149	7,3	2,96	7,3	7,3	930,0	Khá	Cử nhân	
6	1855010290	NGÔ VĂN	KHÁNH	01/03/1999	Nam	K63_Thú y	148	6,74	2,63	6,74	5,3	535,0	Khá	Cử nhân	
7	1855020589	TRẦN ĐĂNG	TÂY	14/09/2000	Nam	K63_Thú y	147	6,78	2,63	6,78	5,8	480,0	Khá	Cử nhân	

8	1945020023	Nguyễn Bá	Trung	28/02/1990	Nam	K64_LT_Thú y	144	8,18	3,5	8,18	5,7	565,0	Giỏi	Cử nhân	
9	1955020665	NGUYỄN MẠNH	HIỆP	28/07/1987	Nam	K64_LT_Thú y	149	7,29	2,95	7,29	5,8	450,0	Khá	Cử nhân	
XX Ngành Quản lý đất đai: 01 SV															
1	1854030195	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	18/09/2000	Nam	K63_QLDD	137	6,88	2,65	6,88	7,5	620,0	Khá	Kỹ sư	

Tổng số sinh viên có tên trong danh sách là: 89 SV



GS.TS. Phạm Văn Điền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
ĐƠN VỊ TRÌNH KÝ:.....

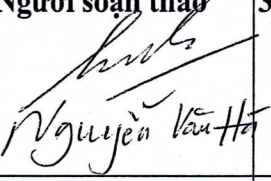
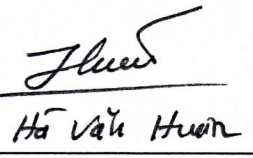
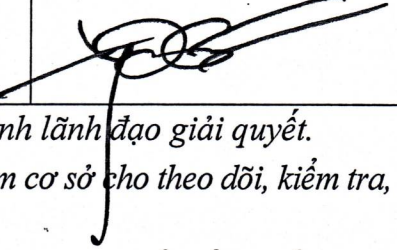
Mẫu 01: Phiếu trình và ban hành văn bản
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2023

PHIẾU TRÌNH KÝ VÀ PHÁT HÀNH VĂN BẢN

PHẦN I. TRÌNH KÝ VĂN BẢN

Kính trình: Đ/c Phạm Văn Điền (ghi rõ họ tên đồng chí trong Ban Giám hiệu)

Nội dung văn bản: Phê duyệt kết quả công nhận tốt nghiệp đại học, đợt tháng 02 năm 2023

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm chính		
Ngày..... tháng..... năm.....	Ngày..... tháng..... năm.....	
Tóm tắt nội dung văn bản (người soạn thảo ghi): Phê duyệt kết quả công nhận tốt nghiệp đại học, đợt tháng 02 năm 2023	2. Người soạn thảo  Nguyễn Văn Hà	3. Trưởng đơn vị soạn thảo  Hà Văn Huân
	4. Phòng HCTH	5. Lãnh đạo Trường 

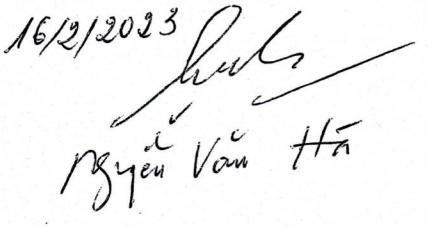
- Phiếu trình ký được sử dụng cho tất các loại văn bản trình lãnh đạo giải quyết.
- Bản gốc phiếu trình ký được lưu trữ tại phòng HCTH để làm cơ sở cho theo dõi, kiểm tra, đối chiếu.
- Bản sao phiếu trình ký được chuyển đến thủ trưởng đơn vị trình ký để biết và tổ chức thực hiện khi có ý kiến của Ban Giám hiệu.

PHẦN II. PHÁT HÀNH VĂN BẢN

Số ký hiệu văn bản ...154/QĐ..... ngày tháng văn ban...15/2/2023.....

Nơi nhận (Mặc định sẽ phát hành theo "nơi nhận" ghi trên văn bản, chỉ ghi thêm khi có bổ sung đối tượng nhận khác. Đối với văn bản ra ngoài Trường cần ghi rõ hình thức gửi qua thư điện tử, văn bản liên thông hoặc chuyển phát nhanh văn bản giấy).

.....P.T. 04.12.....
.....

Cán bộ/đơn vị đăng ký (ngày, tháng, họ tên, chữ ký)	Văn thư nhận Văn bản (ngày, tháng, họ tên, chữ ký)	Phòng HCTH (ngày, tháng, họ tên, chữ ký)
16/2/2023  Nguyễn Văn Hà		